

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
trong 6 tháng đầu năm 2022**

Thực hiện Kế hoạch số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XII tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 17/5/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Đồng Nai đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, cụ thể:

- Ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính: kế hoạch cải cách hành chính (số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021); kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (số 16342/KH-UBND ngày 28/12/2021); kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022); kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 17/KH-UBND ngày 20/01/2022); Kế hoạch rà soát phương án đơn giản hóa thủ tục hành (số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022); kế hoạch khảo sát sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (số 06/KH-UBND ngày 12/01/2022); kế hoạch phát triển chính quyền số (số 29/KH-UBND ngày 11/02/2022); kế hoạch đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ban ngành, UBND cấp huyện với người dân (số 55/KH-UBND ngày 11/3/2022); thực hiện các kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương xây dựng, triển khai kịp thời các kế hoạch công tác cải cách hành chính trong nội bộ;

Trong tháng 01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện (Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 20/01/2022), kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân năm 2021 (Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021); theo đó, ở cấp sở có 14/21 đơn vị đạt xuất sắc, 06/21 đơn vị tốt, cấp huyện có 02/11 địa phương đạt xuất sắc, 09/11 địa phương xếp loại tốt; tỷ lệ hài lòng của người dân trung bình của cấp sở đạt 95,74%, cấp huyện đạt 94,76%; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo

các Sở, ngành, UBND cấp huyện căn cứ kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính, kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân năm 2021 để thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện kết quả cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

Căn cứ kết quả chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2021, chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước do Bộ Nội vụ công bố (tỉnh Đồng Nai đạt 83,33 điểm, xếp hạng 55/63 tỉnh thành; tỷ lệ hài lòng đạt 89,5%, hạng 10/63 tỉnh thành), Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện rà soát xác định các tồn tại trên các lĩnh vực thuộc trách nhiệm chưa đạt yêu cầu, đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế trong năm 2022; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức họp Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 để chỉ đạo, đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch năm 2022, đề xuất các sáng kiến, mô hình hay trong cải cách hành chính để triển khai nhằm nâng cao trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 08/6/2022, Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 08/6/2022 về triển khai đánh giá chỉ số cải cách hành chính các Sở, ngành, UBND cấp huyện năm 2022 nhằm đánh giá, phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương, gắn với xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân.

- Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và kỷ luật kỷ cương hành chính; trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã tổ chức kiểm tra cải cách hành chính, công vụ, kỷ cương hành chính tại 21 UBND phường, xã thuộc 8 huyện, thành phố¹, kiểm tra công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện Trảng Bom, Long Thành, thành phố Biên Hòa; tổ chức thanh tra chuyên ngành nội vụ tại UBND huyện Xuân Lộc, Đài Phát thanh - Truyền hình; thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, UBND cấp huyện qua phần mềm Một cửa

¹ UBND xã Long Thọ - huyện Nhơn Trạch; UBND các xã Bàu Hàm 2, Gia Kiệm, Quang Trung - huyện Thống Nhất; UBND các xã Long Phước, Long An, Long Đức - huyện Long Thành; UBND các phường Trảng Dài, Tân Hạnh, Long Bình Tân, Trung Dũng, Bình Đa, Thống Nhất - TP. Biên Hòa; UBND xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh, Suối Tre, Bàu Sen - thành phố Long Khánh; UBND các xã Thạnh Phú, Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu; UBND Thị trấn Trảng Bom - huyện Trảng Bom; UBND xã Xuân Trường - huyện Xuân Lộc.

điện tử, hệ thống camera giám sát tập trung để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh, đảm bảo giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã ban hành, triển khai kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, đăng 24 tin bài trên Trang thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh, Công Hành chính công trên Zalo, phát sóng 02 chương trình đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với người dân trên Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai để thông tin kịp thời đến người dân, doanh nghiệp các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp, bảo hiểm xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh phục hồi kinh tế - xã hội, đẩy mạnh hướng dẫn giải quyết hồ sơ trực tuyến...

Các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai tuyên truyền cải cách hành chính dưới nhiều hình thức như qua hệ thống phát thanh, các bản tin trên trang thông tin điện tử (hơn 270 tin bài, 80 chương trình phát thanh, truyền hình trên Trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương), các video được phát tại Bộ phận Một cửa và một số địa điểm công cộng, qua đó đã góp phần giúp cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức rõ hơn ý nghĩa, mục đích, nội dung, định hướng, giải pháp cải cách hành chính của tỉnh để cùng tham gia thực hiện.

Các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai các mô hình sáng kiến có hiệu quả từ năm 2021 về trước như: liên thông giữa cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu giao dịch đảm bảo, số hóa dữ liệu báo cáo ngành tài nguyên và môi trường...; đồng thời, triển khai các sáng kiến, giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước các các ngành, lĩnh vực, cụ thể:

- Ứng dụng phần mềm quản lý công tác đào tạo, sát hạch giấy phép lái xe cơ giới đường bộ tại 10 cơ sở đào tạo lái xe ô tô, 11 cơ sở đào tạo lái xe mô tô; qua đó, giúp người dân dễ dàng tra cứu, quản lý các thông tin liên quan đến việc đăng ký học, thi giấy phép lái xe, phản ánh chất lượng các cơ sở đào tạo lái xe; đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tổ chức đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh;

- Mở rộng mô hình “ngày không hẹn” thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả trong ngày đối với thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, bảo hiểm y tế, tư pháp, thành lập hộ kinh doanh tại Bộ phận Một cửa thành phố Long Khánh định kỳ vào ngày thứ 5 hàng tuần; trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND thành phố Long Khánh đã tiếp nhận và xử lý 250 hồ sơ theo mô hình “ngày không hẹn”; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo nhân rộng mô hình sáng kiến trên địa bàn toàn tỉnh;

- Thí điểm tổ công nghệ số cộng đồng: nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số của tỉnh trên cơ sở “lấy người dân làm trung tâm”, đưa công nghệ số, nhất là các dịch vụ công trực tuyến đến gần người dân hơn, tỉnh đã bắt đầu triển khai thí điểm mô hình tổ công nghệ số cộng đồng tại 170 xã, phường trên địa bàn tỉnh; trong đó, các cán bộ, công chức có kỹ năng số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính của các cấp, các ngành trong 6 tháng đầu năm 2022 được chú trọng, đã có những chuyển biến tích cực so với những năm trước, đã phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế hành chính

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 15921/KH-UBND ngày 22/12/2021 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 301/TTg-PL ngày 06/4/2022 về công tác xây dựng thể chế pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong 6 tháng đầu năm 2022, HĐND tỉnh đã ban hành 4 Nghị quyết, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành 25 văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực nội vụ, dân tộc, thông tin và truyền thông, văn hóa, tài nguyên và môi trường, tài chính công... để thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực; công tác xây dựng văn bản được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản, tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 25/01/2022 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2022, Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/01/2022 về theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nhằm triển khai có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Nghị

định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; các Sở, ngành, UBND cấp huyện ban hành, triển khai kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật thuộc các ngành lĩnh vực quản lý.

c) Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên theo quy định của Chính phủ; trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, kiểm tra tự kiểm tra 25 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, 13 văn bản pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành; qua kiểm tra phát hiện 04 văn bản của cấp huyện ban hành có sai sót về nội dung, một số văn bản chưa đảm bảo về kỹ thuật trình bày; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 công bố danh mục 49 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và 10 văn bản hết hiệu lực một phần năm 2021; đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố chấn chỉnh công tác xây dựng văn bản pháp luật, chủ động rà soát, xử lý theo đúng quy định.

d) Kết quả thực hiện tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 19/01/2022 về phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; trong 6 tháng đầu năm 2022, các đơn vị, địa phương tập trung tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, văn bản mới ban hành trong năm 2021 - 2022, nhất là các văn bản liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, phòng chống tham nhũng, hỗ trợ khởi nghiệp... hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn theo hướng lấy người dân làm trung tâm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền: trên Cổng thông tin về phổ biến giáo dục pháp luật pbgdpl.dongnai.gov.vn, Cổng thông tin Sở Tư pháp trên Zalo, tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật” trực tuyến....

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công bố, công khai thủ tục hành chính

Thực hiện công tác chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành, lĩnh vực tại địa phương sau khi Bộ ngành Trung ương công bố Bộ thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong 6 tháng đầu năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 18 quyết định công bố Bộ thủ tục hành chính; theo đó, đã

ban hành mới 78 TTHC, sửa đổi, bổ sung 149 TTHC, bãi bỏ 85 TTHC², ban hành 01 quyết định công bố TTHC ngành Công an gồm 54 TTHC tiếp nhận theo cơ chế một cửa.

Tổng số thủ tục hành chính sau khi chuẩn hóa là 1.870 thủ tục (cấp tỉnh 1.492, cấp huyện 267, cấp xã 111), ban hành 01 quyết định công bố TTHC ngành Công an gồm 54 TTHC (cấp tỉnh 44, cấp huyện 10); tổng số thủ tục hành chính ngành dọc sau khi chuẩn hóa là 123 thủ tục (cấp tỉnh 62 thủ tục, cấp huyện 53 thủ tục, cấp xã 08 thủ tục); 12 quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh quy trình nội bộ điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính, được ban hành, cấu hình lên phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp; 100% TTHC sau khi được công bố được cập nhật kịp thời lên Cổng dịch vụ công Quốc gia; đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh; niêm yết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

b) Đơn giản hoá thủ tục hành chính

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính năm 2022 (số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022); theo đó, mục tiêu rà soát, kiến nghị đơn giản hóa tối thiểu 10% tổng số thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai thực hiện Văn bản số 6852/VPCP-KSTT ngày 24/9/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; các sở ngành, UBND cấp huyện triển khai rà soát, đề xuất phương án phân cấp thủ tục hành chính, mục tiêu đạt tối thiểu 20% số TTHC các cấp.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thực hiện Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 468/QĐ-TTg về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ:

— Đối với Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã: hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động, phân công trách nhiệm quản lý, theo dõi hoạt động của Bộ phận Một cửa, bố trí quầy tiếp nhận thủ tục ngành dọc

² Thuộc các ngành Ngoại vụ, Công Thương, Giáo dục và đào tạo, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học công nghệ, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài Nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN; Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Quản lý khu Công nghệ cao công nghệ sinh học

(công an, bảo hiểm xã hội, quân sự), kho bạc hoặc điểm thu hộ ngân sách của ngân hàng thương mại tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và 11/11 huyện; bố trí quầy Bưu điện tiếp nhận hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe, lý lịch tư pháp, chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm... tại 11/11 Bộ phận Một cửa cấp huyện. Trung tâm Hành chính công tỉnh đã giảm số lượng công chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ đối với các sở ngành có tỷ lệ trực tuyến cao trên 85% tổng số hồ sơ; các địa phương tăng cường bố trí, phân công hợp lý công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ đối với các lĩnh vực có số lượng giao dịch lớn, nhất là lĩnh vực đất đai nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã tiếp tục rà soát, bố trí trang thiết bị, nhân lực hướng dẫn việc nộp hồ sơ trực tuyến cho người dân.

- Triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh tiếp nhận 15,535 hồ sơ lĩnh vực đất đai không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đã giải quyết 15,556 hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn đạt 100%.

- Kết quả giải quyết TTHC trong 6 tháng đầu năm 2022: cấp Sở đã tiếp nhận 73.672 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn 72.719 hồ sơ, đạt tỷ lệ **99,43%**; cấp huyện tiếp nhận 299.532 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn 276.635 hồ sơ, đạt tỷ lệ **98,17%**; cấp xã tiếp nhận 598.249 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn 574.598 hồ sơ, đạt tỷ lệ **97,81%**; tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của 20/20 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND cấp xã được công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Nhằm đánh giá hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, trong 6 tháng đầu năm 2022, các đơn vị, địa phương đã khảo sát mức độ hài lòng của 268.919 lượt người dân, doanh nghiệp về kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hài lòng chung của các Sở, ngành đạt 89,94% trong đó có 04 đơn vị đạt tỷ lệ hài lòng 100% (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ).

- Thực hiện Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 phê duyệt số lượng, định mức hỗ trợ người làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp, trong đó định suất, định mức hỗ trợ phù hợp với số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị, địa phương.

- Triển khai Kế hoạch số 15623/KH-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia; trong 6 tháng đầu năm 2022, 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND

cấp xã đã triển khai chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

d) Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính

UBND tỉnh tiếp tục triển khai Kế hoạch số 14452/KH-UBND ngày 26/11/2020 về thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025. Trong 06 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã tập trung rà soát, triển khai số hoá hồ sơ TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình thực hiện...); dự kiến thực hiện đồng bộ công tác số hoá và lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử tại cấp tỉnh từ tháng 8/2022.

g) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Đồng Nai đã tiếp nhận 323 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi trên Cổng dịch vụ công quốc gia; kết quả đã xử lý 294 phản ánh kiến nghị, đang xử lý 29 trường hợp đang tiếp tục giải quyết theo thời hạn quy định;

Tổng đài Dịch vụ công 1022 tiếp nhận 25.822 lượt liên hệ yêu cầu hỗ trợ thông tin, đăng ký dịch vụ bưu chính công ích, gửi phản ánh, kiến nghị, đã xử lý 25.441 lượt, đạt trên 90,6%; trong đó, đã xử lý phản ánh giải quyết hồ sơ chậm trễ, trách nhiệm của công chức đơn vị, địa phương 866/1.185 lượt đạt hơn 78%, các phản ánh, kiến nghị sau khi giải quyết được công khai (500 thông tin/tháng) trên Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên Cổng thông tin về phản ánh kiến nghị của tỉnh (<http://1022.dongnai.gov.vn>).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương; đến nay, tỉnh Đồng Nai đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của 21/21 cơ quan thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc 11/11 UBND cấp huyện; phê duyệt đề án sắp xếp 08/9 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; qua đó giảm được 01 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, giảm 39 đơn vị sự nghiệp

thuộc sở, ban ngành, giảm được 45 đầu mỗi phòng, ban chuyên môn³, 25 phòng thuộc Chi cục (ban) trực thuộc Sở, giảm 111 chức danh lãnh đạo cấp phòng⁴.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện, UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập, kiện toàn lại các đơn vị: Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ công ích, Ban Quản lý dự án, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên; theo đó, đã giảm được 41 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện; UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; theo đó, đã kiện toàn 03 đơn vị⁵; sắp xếp giảm 03 Trường Trung cấp nghề⁶, giảm 09 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, 100% sở ngành, UBND cấp huyện đã ban hành quy định về cơ cấu phòng ban, chức năng nhiệm vụ đáp ứng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 quy định về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; căn cứ các văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ ngành, các Sở, ngành ban hành quy chế mới về tổ chức hoạt động đảm bảo cơ cấu phòng ban, số lượng cấp phó, chức năng nhiệm vụ theo quy định; đồng thời, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng Đề án để sắp xếp, kiện toàn các phòng chuyên môn trình HĐND cùng cấp quyết định.

c) Công tác quản lý sử dụng biên chế

- Về biên chế công chức: Năm 2022, biên chế công chức của tỉnh Đồng Nai là 3.041 chỉ tiêu⁷; như vậy, số biên chế công chức tỉnh đã tỉnh giảm 389 chỉ tiêu

³ 39 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 06 chi cục và tương đương

⁴ 34 Trưởng phòng và 50 Phó phòng thuộc Sở; 19 Trưởng phòng và 10 Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục trực thuộc Sở

⁵ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai, Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao, Trường Đại học Đồng Nai

⁶ Tổ chức lại Trung cấp Nghề giao thông vận tải thành Trung tâm Đào tạo, Sát hạch lái xe; Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đồng Nai sáp nhập và Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Đồng Nai và giải thể Trường Trung cấp nghề 26/3

⁷ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022.

(so với 3.422 chỉ tiêu biên chế công chức giao năm 2015) đạt tỷ lệ 11,37% vượt tỷ lệ tối thiểu 10% theo quy định của Trung ương;

- Về số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 của tỉnh Đồng Nai được Bộ Nội vụ thống nhất⁸ là 36.932 chỉ tiêu; tuy nhiên, do tình hình thực tế của địa phương, HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 38.113 chỉ tiêu; thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đến nay các cơ quan, đơn vị đã cắt giảm được 4.865 biên chế viên chức so với số phải giảm (4.151 biên chế), như vậy tỉnh đã hoàn thành lộ trình giảm 10% theo quy định.

d) Việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với UBND tỉnh, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; UBND tỉnh ban hành, triển khai Kế hoạch số 8843/KH-UBND ngày 23/9/2016 về thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 và Kế hoạch số 482/KH-UBND triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020; thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, 21/21 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện trong nội bộ đơn vị, địa phương;

Việc phân cấp quản lý nhà nước cho chính quyền cấp tỉnh thực hiện trên tất cả 05 lĩnh vực theo Nghị quyết số 21/NQ-CP của Chính phủ và 10 ngành lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ đã được các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện góp phần tăng tính chủ động của địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn phân cấp với việc rà soát các thủ tục hành chính làm giảm đầu mối, giảm bớt các thủ tục không cần thiết, nhất là các lĩnh vực: Thẩm định dự án, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp phép xây dựng, quy hoạch xây dựng, hộ tịch, chứng thực... góp phần thu hút được nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

⁸ Theo Văn bản số 5989/BNV-TCBC ngày 26/11/2021

a) Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, xây dựng và thực hiện đề án xác định vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát tham mưu điều chỉnh bảng mô tả khung năng lực và vị trí việc làm theo quy định; trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt mới 01 đề án vị trí việc làm của cơ quan hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp công lập⁹; đến nay, 20 cơ quan chuyên môn¹⁰, 37 đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt đề án vị trí việc làm; để đẩy nhanh tiến độ rà soát, điều chỉnh, ban hành đề án vị trí việc làm tại các địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thẩm định, phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện.

b) Thực hiện tuyển dụng công chức viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức cấp tỉnh, huyện theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; công tác thi tuyển được thực hiện đúng quy định; trong đó, có 323 thí sinh tham dự vòng 01 (thi 02 môn trên máy tính), có 201 thí sinh đạt kết quả vòng 01, tham dự vòng 02; hiện nay, tỉnh đang tiếp tục thực hiện các bước công bố kết quả trúng tuyển theo quy định.

c) Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

Thực hiện Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự

⁹ Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện,

¹⁰ 02 đơn vị chưa phê duyệt đề án vị trí việc làm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng

nghiệp công lập; đồng thời, trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về khắc phục các trường hợp có sai sót trong quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo siết chặt kỷ luật kỷ cương hành chính; trong đó, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong nêu gương, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc và tăng cường công tác kiểm tra, gắn tiêu chí phát hiện, xử lý vi phạm với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức 09 đợt kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính tại 21 xã (thuộc 08 huyện, thành phố), 03 huyện, thành phố; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ cương hành chính của đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa thông qua hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh từ Bộ phận một cửa cấp xã, cấp huyện lên Trung tâm Hành chính công tỉnh; qua kiểm tra ghi nhận một số trường hợp cán bộ, công chức không chấp hành nghiêm túc giờ giấc, tác phong trong thi hành công vụ; trên cơ sở đó, thủ trưởng các đơn vị, địa phương đã chỉ đạo tổ chức kiểm điểm trách nhiệm, có hình thức xử lý hoặc chấn chỉnh công chức, viên chức thực hiện chưa nghiêm túc trách nhiệm công vụ.

e) Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được xác định nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy; UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 (số 5380/QĐ-UBND ngày 31/12/2022); theo đó, đưa ra các mục tiêu, nội dung khóa - lớp học, đối tượng, giải pháp đảm bảo 100% cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, điều kiện tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ, công chức cấp sở, cấp huyện thường xuyên được cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng về kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã tổ chức và cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 421 lượt cán bộ, công chức, viên chức: 100 lượt tham gia các lớp đào tạo nghiên cứu sinh, lý luận chính trị; 321 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, chuyên viên, lãnh đạo quản lý cấp sở, cấp phòng, chuyên môn nghiệp vụ và an ninh quốc phòng.

Nhằm bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức nghiệp vụ cải cách hành chính cho đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính (số 108/KH-UBND ngày 16/5/2022); trong đó, tập trung tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, đo lường mức độ hài lòng của người dân, giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử và số hoá hồ sơ, TTHC.

5. Cải cách tài chính công

Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch ước tính 6 tháng đầu năm 2022 đạt 35.440 tỷ đồng, đạt 64% dự toán Bộ Tài chính giao (55.241 tỷ đồng); kết quả giải ngân đối với nguồn vốn đầu tư công của tỉnh (không bao gồm vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu) ước thực hiện đạt 29% (giải ngân 2.500.000 tỷ đồng trên kế hoạch vốn giao 8.543.308 triệu đồng); tiến độ thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước niên độ 2019 tính đến 31/3/2022 đạt 79%¹¹;

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định và Thông tư quy định định mức tiêu dùng, hao mòn tài sản công, UBND tỉnh Đồng Nai đã cụ thể hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh; đồng thời, 100% cơ quan, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản công theo quy định;

Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 9777/KH-UBND ngày 16/08/2021 của UBND tỉnh về triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập; trong 6 tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh có 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 56 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 191 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; đến nay, tỉnh đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại 12 lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, 07 lĩnh vực đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, 04 lĩnh vực đã ban hành đơn giá dịch vụ thuộc các ngành công thương, nông nghiệp, thông tin - truyền thông, giáo dục, y tế, tư pháp, khoa học và công nghệ, văn hóa - thể thao, nội vụ.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Hoàn thiện thể chế phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai

¹¹ Tổng số kiến nghị của KTNN: 1.356.883.077.958 đồng; tổng số thực hiện đến ngày 31/03/2022 đạt 1.051.761.578.522 đồng

Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, ban hành đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia, kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh; ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực trọng tâm như giáo dục, nông nghiệp, ..., ban hành chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai, phiên bản 1.0 (Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 27/12/2021); đến nay, 33/34 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh xây dựng Kế hoạch Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Đến nay, 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng với 91 điểm kết nối; 170/170 UBND các xã, phường thị trấn được kết nối Internet phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp tục vận hành hệ thống camera tập trung từ cấp xã, huyện lên tỉnh để kiểm tra, giám sát Bộ phận Một cửa các đơn vị, địa phương.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

- Hoàn thành kết nối qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh các hệ thống quản lý văn bản của tỉnh với hệ thống quản lý văn bản của Văn phòng Chính phủ; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ¹², tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành việc phối hợp Công an tỉnh, Cục C06 - Bộ Công an đăng ký sử dụng dịch vụ, kết nối giữa phần mềm Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh với Hệ thống thử nghiệm của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Hoàn thành xây dựng các chức năng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn tại Văn bản số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/9/2020 của Văn phòng Chính phủ và đồng bộ dữ liệu 16 tiêu chí báo cáo về Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, chỉ đạo

¹² Phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đến nay 100% các báo cáo được gửi nhận qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- UBND tỉnh ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 13/4/2022); đến nay, có 04 cơ sở dữ liệu chuyên ngành¹³ đã đưa vào khai thác, chia sẻ dữ liệu từ trực liên thông tỉnh đến trực liên thông quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, gửi nhận văn bản điện tử và báo cáo số liệu kinh tế xã hội theo quy định của Văn phòng Chính phủ.

d) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Hoàn thiện thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông 100% cơ quan hành chính 03 cấp tỉnh - huyện - xã, tỷ lệ văn bản gửi nhận hoàn toàn điện tử theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ qua Trục liên thông đạt 99,8% (trừ các văn bản mật); 100% cán bộ, công chức các đơn vị, địa phương (gồm lãnh đạo, quản lý) sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành, theo dõi tiến độ, xác định cụ thể trách nhiệm từng cá nhân xử lý công việc; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử; phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phát 182 bộ chứng thư số (134 bộ cho cá nhân, 43 SIM PKI, 05 bộ cho tổ chức), đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đã được cấp chữ ký số.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, các đơn vị, địa phương tiếp tục hoàn thiện phần mềm một cửa điện tử Egov, Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, cấu hình các quy trình nội bộ điện tử của các thủ tục hành chính mới được ban hành; rà soát các quy trình điện tử trên phần mềm một cửa Egov chuẩn bị thực hiện số hoá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ; triển khai hệ thống họp trực tuyến liên thông cấp tỉnh - cấp huyện, UBND cấp huyện đã triển khai hệ thống họp trực tuyến đến cấp xã nâng cao hiệu quả các cuộc họp tại các địa phương.

e) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành việc triển khai thí điểm 02 Trung tâm giám sát điều hành thông minh thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh theo các tiêu chí hướng dẫn của Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông; trên cơ sở đánh giá kết quả thí điểm tại 02 địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến

¹³ Cơ sở dữ liệu Dịch vụ công trực tuyến, Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính tỉnh, Cơ sở dữ liệu về quản lý văn bản điện tử, Cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

năm 2030 (Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 10/5/2022) làm cơ sở để tiếp tục triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

g) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Đồng Nai đã cung cấp 1.151 dịch vụ công mức độ 3 và 4 (gồm 282 mức độ 3 và 869 mức độ 4) đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp mức độ 3,4; tích hợp 969 dịch vụ công lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đạt tỷ lệ 84,19%; tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến đối với 276 thủ tục trực tuyến mức 3,4 có phát sinh phí, lệ phí.

Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; kết quả tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 41,35% (476/1.151 thủ tục), tỷ lệ hồ sơ trực tuyến 03 cấp đạt 7,74%; trong đó có 9/21 đơn vị cấp đạt tỷ lệ trên 80% hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4, 02/11 huyện¹⁴ đạt tỷ lệ trực tuyến trên 10%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2022, công tác cải cách hành chính của tỉnh có những chuyển biến tích cực theo tiến độ đề ra; trong đó:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương được quan tâm, tập trung chỉ đạo triển khai ngay từ đầu năm 2022, một số đơn vị đã chủ động chỉ đạo rà soát báo cáo các vướng mắc, chần chừ, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính, nhất là giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp;
- Công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ được tăng cường thực hiện từ đầu năm, kịp thời chấn chỉnh những sai sót nhằm triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương;
- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện chặt chẽ theo quy định; tổ chức hoạt động Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp được kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới;
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện toàn diện, đồng bộ; tập trung

¹⁴ UBND huyện Nhơn Trạch, UBND huyện Cẩm Mỹ

hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin, tập trung vào công tác quản lý hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn một số tồn tại sau:

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính có lúc có nơi còn chưa quyết liệt, còn tình trạng giao khoán cho cấp phó, chuyên viên tham mưu giúp việc, nhất là tại UBND cấp xã;

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, một số địa phương có số lượng hồ sơ tăng cao, nhất là hồ sơ lĩnh vực đất đai; công tác giải quyết thủ tục hành chính tại một số đơn vị, địa phương còn tình trạng trễ hạn, người dân phải đi lại bổ sung hồ sơ; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến tại UBND cấp huyện, cấp xã chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra;

- Chính phủ đã ban hành các Nghị định liên quan về cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện tuy nhiên một số Bộ ngành Trung ương chưa ban hành Thông tư hướng dẫn của cụ thể để triển khai thực hiện nên địa phương còn khó khăn trong quá trình thực hiện;

- Việc thực hiện xã hội hóa các đơn vị còn chậm do việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập của một số lĩnh vực do Bộ ngành Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể; công tác cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm do chưa có Văn bản hướng dẫn cụ thể của Trung ương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ III/2022

Trong quý III/2022, công tác cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện theo kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2022, trong đó tập trung triển khai các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, cụ thể:

1. Các đơn vị, địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2022; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, khắc phục tình trạng giao khoán cho cấp phó, cho công chức, viên chức tham mưu công tác cải cách hành chính; chủ động giải quyết hoặc báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc, đề xuất những cách làm mới, mô hình hay

trong thực hiện cải cách hành chính về Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh để kịp thời chỉ đạo hỗ trợ, xử lý.

2. Tiếp tục triển khai các quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và quy định của UBND tỉnh; triển khai các lớp đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch năm 2022; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính nhằm bồi dưỡng, cập nhật kịp thời các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức tham mưu, lãnh đạo phụ trách, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tập trung triển khai Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định 107/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; trong đó:

- Rà soát, hoàn thiện các quy định, cơ sở vật chất thực hiện công tác số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, mở rộng việc thực hiện thu phí, lệ phí tập trung, thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính; bố trí, phân công hợp lý công chức tiếp nhận hồ sơ nhất là tại Bộ phận Một cửa cấp huyện đối với các thủ tục phát sinh nhiều hồ sơ;

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định về hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; đôn đốc xử lý hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 96%; khắc phục tình trạng để người dân đi lại, bổ sung hồ sơ, phản ánh kiến nghị nhiều lần, tiếp tục cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

4. Tăng cường trách nhiệm của đơn vị, địa phương trong giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp qua Tổng đài Dịch vụ công 1022, Cổng dịch vụ công của tỉnh kịp thời tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp để cải thiện dịch vụ hành chính công.

5. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống một cửa điện tử Egov, Cổng dịch vụ công của tỉnh liên thông 03 cấp; cập nhật kịp thời quy trình nội bộ điện tử các thủ tục hành chính được ban hành, các dịch vụ công trực tuyến được phê duyệt; thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời các bất cập trong hệ thống một cửa điện tử, đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được thông suốt; đồng bộ dữ liệu và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai mở rộng Hệ thống thông tin báo cáo của các sở ngành, kết nối liên thông với Hệ thống báo cáo của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có, mở rộng cơ sở dữ liệu các ngành cần thiết, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

6. Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ngành, UBND cấp huyện và người dân, doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thông tin kịp thời các quy định trong giải quyết thủ tục hành chính, nhất là việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4.

7. Tổ chức khảo sát ý kiến người dân về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại các đơn vị, địa phương nhằm đánh giá khách quan hiệu quả cải cách hành chính, nhất là công tác giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công.

8. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, cải cách hành chính, thanh tra chuyên ngành nội vụ tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã; chú trọng thanh tra, kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận, công chức, viên chức thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ quý III/2022 của tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Văn phòng Chính phủ (Cục kiểm soát TTIC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cục thuế; Cục Hải quan, Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Kho bạc NN tỉnh;
- UBND các huyện và thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	59	Các Sở ngành, UBND cấp huyện ban hành hơn 200 văn bản chỉ đạo triển khai
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	28	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	Các nhiệm vụ được triển khai theo tiến độ
3.	Kiểm tra CCHC theo đoàn kiểm tra của tỉnh			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	8	21 UBND cấp xã
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	9	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	9	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	2	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	1	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	45	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	5	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	5	
	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	268.919	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	Trực tiếp tại TTHCC qua Ipad và trực tuyến qua Cổng DVC của tỉnh
7	Tổ chức đối thoại với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Thực hiện 2 chương trình

Biểu mẫu 2
Kết quả Cải cách thể chế của tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Chú chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹⁵ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	46	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	25	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	11	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	13	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	4	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	4	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	64	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	64	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	64	

¹⁵ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Thời gian tổng hợp trình phương án ĐGH là tháng 09/2022
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	132	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	85	Sửa đổi bổ sung: 149 TTHC
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.993	Có 123 TTHC ngành dọc
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.554	62 TTHC ngành dọc
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	320	53 TTHC ngành dọc
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	119	08 TTHC ngành dọc
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	53	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	31	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	09	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,43	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	73.174	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	72.719	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,17	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	282.556	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	276.635	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,81%	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	587.846	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	574.598	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	99,1	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	3.390	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	3.360	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	213	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	890	
1.5.1.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	8	
1.5.2.	Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	143	
1.5.3.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	739	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	9,37	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3041	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3041	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	225	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,37	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	36.392	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36.392	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1.721	So với số người làm việc có mặt năm 2021 (38.113)
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	20	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	37	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	5	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	55	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	02 trường hợp trong thời gian 15/12/2021-31/12/2021
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	4	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	9	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	29	Không bao gồm vốn TW bổ sung CMT và chi chuyển nguồn
	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.543.308	
	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.500.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kể đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	890	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	56	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	191	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	642	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,8	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,6	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	282	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	282	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	115	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	869	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	869	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	361	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	84,19	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.151	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	969	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	7,74	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	844.697	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	65.390	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	51,97	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	531	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	276	